



dú zi

犊子

noun · calf (colloquial)

Example Sentence

Mǔ niú zài cǎo dì shàng bǎo hù zì jǐ de dú zǐ
母牛在草地上保护自己的犊子。

The cow protects her calf on the grass.

Trace each character, then write the word on your own.

犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊
犊	犊	犊	犊							
子	子	子	子	子	子					